

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **258/2024/DS-ST**

Ngày: 29/7/2024

V/ v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Bé**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: không tham gia- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2024/TLST-DS ngày 07/5/2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101//2024/QĐXX-ST ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/QĐST-DSST ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở : 266-268 đường M, phường N, Quận X. TP Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn B Thạch A1, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh A2, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Long An.

(Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐPC ngày 25/12/2023 về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Địa chỉ liên hệ: 319 đường M1, khu phố M2, phường N1, thành phố Y, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Mỹ A3.

Địa chỉ: 319 đường M1, khu phố M2, phường N1, thành phố Y, tỉnh Long An.

(Theo Văn bản ủy quyền số 13A/2024/GUQ-CNLA ngày 20/02/2024)

* **Bi đơn**: Anh Nguyễn Hoàng Minh B, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp M3, xã N2, huyện X1, tỉnh Tiền Giang.

(Đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt; Anh Minh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, Bản khai và các biên bản hòa giải đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A trình bày:**

Năm 2021, Ông Nguyễn Hoàng Minh B có ký với Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông Nguyễn Hoàng Minh B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau:

- + Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng
- + Mục đích: Tiêu dùng cá nhân
- + Lãi suất hiện tại thẻ tín dụng số 472074 - 7332: 33,2%/năm
- + Lãi suất hiện tại thẻ tín dụng số 211251 - 6613: 26,6%/năm
- + Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Hoàng Minh B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.987.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Nguyễn Hoàng Minh B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.349.400 đồng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Nguyễn Hoàng Minh B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Nguyễn Hoàng Minh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 24/6/2024, Ông Nguyễn Hoàng Minh B còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ: 21.398.497 đồng.
- Lãi vay trong hạn: 8.309.881 đồng.
- Lãi quá hạn: 4.154.940 đồng.

Tổng cộng: 33.863.318 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn Hoàng Minh B trả số tiền vốn lãi 33.863.318 đồng.

Nếu ông B chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng khoản vay thẻ nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Minh B trình bày: từ khi Toà án thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên toà, đại diện ủy quyền của Ngân hàng A có đơn xin vắng mặt yêu cầu ông B phải trả số tiền còn nợ gốc: 21.398.497 đồng; Lãi vay trong hạn: 8.819.828 đồng; Lãi quá hạn: 4.409.914 đồng. Tổng cộng: 34.628.239 đồng. Nếu ông B chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng khoản vay thẻ nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, các đương sự có mặt, do đó Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 20/5/2021; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông B như sau:

- + Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng
- + Mục đích: Tiêu dùng cá nhân
- + Lãi suất hiện tại thẻ tín dụng số 472074 - 7332: 33,2%/năm
- + Lãi suất hiện tại thẻ tin dụng số 211251 - 6613: 26,6%/năm

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Nguyễn Hoàng Minh B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.987.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Nguyễn Hoàng Minh B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.349.400 đồng. Do Ông Nguyễn Hoàng Minh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Hiện tính đến ngày 29/7/2024 ông B còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn lãi 34.628.239 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn hai trăm ba mươi chín đồng). Việc ông B không thực hiện đúng thỏa thuận đã vi phạm quyền lợi

ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Hoàng Minh B không có mặt theo thông báo của Tòa án, xem như ông B đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp lệ và từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình, do đó cần buộc ông B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/7/2024 là 34.628.239 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn hai trăm ba mươi chín đồng).

Nếu ông B chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng khoản vay thẻ nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 288, Điều 317, khoản 1 Điều 319, khoản 6 Điều 320, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 299, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Hoàng Minh B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 288, Điều 317, khoản 1 Điều 319, khoản 6 Điều 320, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 299, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

1. Buộc ông Nguyễn Hoàng Minh B trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A số tiền vốn gốc, tiền lãi theo hợp đồng tạm tính đến ngày 29/7/2024 là 34.628.239 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn hai trăm ba mươi chín đồng).

Ông Nguyễn Hoàng Minh B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng về khoản vay thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Minh B phải nộp 1.731.500 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0007512 ngày 26/4/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng